

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2025)

ĐVT: 1000đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	204.940.000	TỔNG SỐ CHI	204.940.000
I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	25.965.000	I. Chi đầu tư phát triển	17.000.000
II. Thu bổ sung	178.975.000	II. Chi thường xuyên	184.504.000
- Bổ sung cân đối	145.092.000	III. Dự phòng	3.436.000
- Bổ sung có mục tiêu	33.883.000	IV. Tiết kiệm chi	-
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2025)

DVT: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng Thu ngân sách xã (I+II+III+IV)	365.227.183	237.598.027	225.831.000	204.940.000	61,83	86,25
I	Tổng số NSNN trên địa bàn	95.396.524	41.139.353	46.856.000	25.965.000	49,12	63,11
1	Phí, lệ phí	945.503	945.503	500.000	500.000	52,88	52,88
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	142.920	142.920				
5	Thu khác	290.100	290.100	200.000	200.000	68,94	68,94
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	165.601	165.601	410.000	410.000	247,58	247,58
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình					0,00	0,00
9	Lệ phí trước bạ nhà đất	4.932.838	3.946.270			0,00	0,00
10	Lệ phí trước bạ tài sản	5.230.000		9.000.000	4.500.000		
11	Thuê cấp quyền khai thác khoáng sản	79.190	15.838			0,00	0,00
12	Thu tiền sử dụng đất	76.303.402	34.336.531	30.000.000	17.000.000	39,32	49,51
13	Thu từ đề án phát triển quỹ đất					0,00	0,00
14	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	556.527	166.958	246.000	105.000	44,20	62,89
15	Thuế tài nguyên	1.191.510	238.302	500.000	250.000	41,96	104,91
16	Thuế giá trị gia tăng hộ cá thể	581.859	407.301	300.000	150.000	51,56	36,83
17	Thuế thu nhập, GTGT doanh nghiệp, HTX	2.420.145	484.029	1.700.000	850.000	70,24	175,61
18	Thuế thu nhập cá nhân	2.550.000		4.000.000	2.000.000	156,86	
19	Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.930	0			0,00	#DIV/0!
II	Thu chuyển nguồn	25.625.981	25.625.981	0	0	0,00	0,00

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	244.204.678	170.832.693	178.975.000	178.975.000	73,29	104,77
1	Thu bổ sung cân đối	135.798.678	135.798.678	145.092.000	145.092.000	106,84	106,84
2	Thu bổ sung có mục tiêu	108.406.000	35.034.015	33.883.000	33.883.000	31,26	96,71

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2025)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	204.940.000	17.000.000	187.940.000	196.463.364	48.772.123	147.691.241	95,86	286,89	78,58
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	2.308.000		2.308.000	1.540.075		1.540.075			66,73
	Chi hoạt động Quốc phòng	1.938.000		1.938.000	1.360.075		1.360.075			70,18
	Chi trật tự an toàn xã hội	370.000		370.000	180.000		180.000			48,65
2	Chi giáo dục	95.315.000	3.850.000	91.465.000	90.702.187	0	90.702.187			
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150.000		150.000	0					
4	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	728.380		728.380						
5	Chi y tế, dân số	4.058.000		4.058.000	0		0			0,00
6	Chi văn hóa, thông tin, TDTT	2.116.600	1.300.000	816.600	783.586	0	783.586			95,96
7	Chi bảo vệ môi trường	2.400.000		2.400.000	1.540.000		1.540.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	26.459.000	10.250.000	16.209.000	58.313.657	48.772.123	9.541.534		475,83	58,87
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	32.341.020	1.600.000	30.741.020	33.012.538	0	33.012.538		0,00	107,39
10	Chi hoạt động xã hội	33.378.000		33.378.000	9.984.321		9.984.321			29,91
11	Chi hỗ trợ khác và các nhiệm vụ phát sinh, CCTL...	2.250.000		2.250.000	0		0			
12	Dự phòng +Tiết kiệm chi	3.436.000		3.436.000	587.000		587.000			17,08

UY BAN NHÂN DÂN XÃ

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND xã phê duyệt)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2 025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2 025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp nhân dân			Tổng số	Trong đó Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		-	-	-	-	17.000	-	5.150	
Chi từ nguồn cấp quyền sử dụng đất		-	-	-	-	16.150	-	4.300	
Dự án chuyển tiếp						4.300	-	4.300	
Dự án Đường vào khu di tích lịch sử Bãi Dừa	2025- 2026					400		400	
Dự án Cải tạo đường, công, hàng rào khuôn viên UBND xã	2025- 2026					800		800	
Dự án Sửa chữa một số hạng mục trụ sở làm việc Đảng ủy xã	2025- 2026					500		500	
Dự án Cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã	2025- 2026					300		300	
Dự án Sửa chữa mái nhà học Trường Tiểu học Xuân Liên	2025- 2026					50		50	
Dự án Cải tạo, sửa chữa một số trường học trên địa bàn xã Cỏ Đạm	2025- 2026					650		650	
Nâng cấp, cải tạo hệ thống truyền thanh thông minh	2025					800		800	
Cải tạo Khu di tích lịch sử bãi dừa	2025					800		800	
Dư an khởi công mới						11.850	-	18.150	
Lĩnh Vực giao thông						4.800	-	11.100	
Nâng cấp tuyến đường trục xã 04 nối với cổng làng Trung Vượng xã Cỏ Đạm (cũ)	2026					300		300	
Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng NĐ18 và các công trình trên tuyến (đường đi đập Xuân Hoa)	2026					400		400	
Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng ND 08 và các công trình trên tuyến (đi qua chùa hộ quốc)	2026					400		400	
Đường GT Nội đồng Kê Lạt Xuân Sơn (Tích tụ ruộng đất)	2026					500		500	
Sửa chữa khắc phục Cầu Nậy	2026					200		200	
Nâng cấp tuyến đường giao thông trục thôn TT 09 và các công trình trên tuyến tuyến ra biển qua Mầm non Cương Gián Bắc Sơn	2026					500		500	
Nâng cấp tuyến đường giao thông trục thôn TT 11 +TT09A và các công trình trên tuyến Giáp Tuyến TT09 xã Cương Gián (Cũ)	2026					500		500	

NỘI DUNG	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2 025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2 025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp nhân dân			Tổng số	Trong đó Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Nâng cấp đường 22/12 cũ (Xã cương Gián cũ)	2026					500		500	
Nâng cấp tuyến đường trục xã 07 qua nhà văn hóa thôn Cường Thịnh xã Xuân Liên (cũ)	2026					500		500	
Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng và các công trình trên tuyến (Giáp ranh xã Cổ Đạm cũ)	2026					500		500	
Đường kết nối Đồn Lạch kèn đi khu di tích Bãi Dừa	2026					500		500	
Lĩnh Vực Giáo dục	2026					3.150	-	3.150	
Nhà ăn bán trú trường tiểu học Xuân Liên	2026					500		500	
Xây dựng nhà học 4p, 2 tầng phía Đông trường Tiểu học Cổ Đạm	2026					550		550	
Xây dựng Dãy nhà 2 tầng 6 phòng Mầm non Xuân Liên	2026					500		500	
Xây dãy phòng học tập, hỗ trợ học tập và phụ trợ trường Tiểu học Cương Gián 2	2026					600		600	
Xây nhà học đa năng Trường THCS Hoa Liên	2026					500		500	
Xây nhà bán trú 02 tầng Trường Tiểu học Cương Gián 1	2026					500		500	
Lĩnh Vực Thủy Lợi	2026					2.400	-	2.400	
Tuyến mương thủy lợi nội đồng thôn Phú Thuận hợp, phú Hòa xã Cổ Đạm (cũ)	2026					500		500	
Xây dựng Các tuyến mương nội đồng Trộ Lợi thôn Hải Đông Cổ Đạm (cũ) đi Xuân Liên (Cũ)	2026					500		500	
Đập Đồng Cò	2026					400		400	
Xây dựng tuyến mương nội đồng thôn Trung Vượng và Tân Trù (Sau trường THCS Hoa Liên đường đi Xuân Hoa)	2026					500		500	
Xây dựng tuyến mương nội đồng Su Đu đi đồng Quang mương tiêu (sau trường THCS Hoa Liên) phía Nam đường đi đập Xuân Hoa	2026					500		500	
Lĩnh Vực Văn Hóa	2026					500		500	
Nâng cấp khu di tích Đền xứ ca trù cổ đạm	2026					500		500	
Lĩnh Vực Hạ tầng Kỹ thuật	0					1.000	-	1.000	
Camera an ninh	2026					300		300	
Nghĩa trang Rú Nảy khu vực xã Xuân Liên (Cũ)	2026					300		300	
Cổng chào xã Cổ Đạm	2026					400		400	
Tiết Kiệm chi 5%	0					850		850	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ